

Số: 154/TB-TTYT

An Biên, ngày 20 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc yêu cầu báo giá

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế An Biên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu **Mua sắm Hoá chất, sinh phẩm, vật tư y tế, vật tư tiêu hao xét nghiệm tại Trung tâm Y tế An Biên năm 2025** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị nhận yêu cầu báo giá: TRUNG TÂM Y TẾ AN BIÊN

Địa chỉ: ấp 3 – xã An Biên – tỉnh An Giang

Điện thoại: 02973510129 – 02973881306

2. Hình thức nhận báo giá: Đề nghị Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam để toàn bộ hồ sơ báo giá vào 01 túi kín hoặc niêm phong (không bắt buộc).

- Nhận trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh (04 bản chính có đóng dấu);
- Đơn vị tiếp nhận: Phòng Tổ chức – Hành chính, Trung tâm Y tế An Biên.
- Gửi file mềm excel và bản scan PDF đến email: nnhnganbvab@gmail.com

3. Thời gian nhận báo giá:

- Từ ngày ra thông báo đến ngày 27/8/2025.
- Thời hạn hiệu lực của báo giá $\geq$ 180 ngày kể từ ngày 27/8/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Hoá chất, sinh phẩm, vật tư y tế, vật tư tiêu hao xét nghiệm: Chi tiết bảng mô tả đính kèm **phụ lục**.

2. Địa điểm cung cấp các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp bảo quản chất sinh phẩm xét nghiệm như sau

- Địa điểm cung cấp: khoa Dược-TTB-VTYT, trung tâm y tế An Biên.
- Các yêu cầu về vận chuyển: Hàng Hóa được giao mới một trăm phần trăm chưa qua sử dụng được bảo quản và bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Trên đây là thông báo yêu cầu báo giá cung cấp Hoá chất, sinh phẩm xét nghiệm, vật tư y tế, vật tư tiêu hao tại Trung tâm Y tế An Biên năm 2025 của Trung tâm Y tế An Biên thông báo Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt nam được biết để hợp tác./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website;
- Lưu: VT, nhngan.



BS. CKII. Quách Minh Tấn



**MUA SẴM HOÁ CHẤT, SINH PHẨM, VẬT TƯ Y TẾ,
VẬT TƯ TIÊU HAO XÉT NGHIỆM TẠI TRUNG TÂM Y TẾ AN BIÊN
NĂM 2025**

(Kèm theo thông báo yêu cầu báo giá số ngày tháng năm 2025
của Trung tâm Y tế An Biên)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
DANH MỤC HÓA CHẤT ,VTTH THEO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG						
1	Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin mẫu huyết thanh, huyết tương người	ISO	ml	1,500	
2	Alcohol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ethanol mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người.	ISO	ml	1,500	
3	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm định lượng Ethanol	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho các xét nghiệm định lượng Ethanol Thành phần dung dịch đậm tối thiểu ethanol	ISO	ml	100	
4	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm định lượng Ethanol	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho các xét nghiệm định lượng Ethanol Thành phần dung dịch đậm tối thiểu ethanol	ISO	ml	100	
5	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ethanol	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ethanol Thành phần dung dịch đậm ethanol	ISO	ml	50	
6	Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng a-Amylase Direct mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.	ISO	ml	1,000	
7	Bilirubin Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ISO	ml	1,000	
8	Bilirubin Total	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ISO	ml	1,000	

9	Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ISO	ml	6,000	
10	CK-MB	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatin Kinase-MB (CK-MB) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần thuốc thử tối thiểu bao gồm kháng thể kháng CK-M người, Creatine phosphate	ISO	ml	2,500	
11	CK-MB Calibrator	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm CK-MB mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần thuốc thử tối thiểu bao gồm CK-MB (người) với nồng độ phù hợp để hiệu chuẩn xét nghiệm đo nồng độ CK-MB	ISO	ml	30	
12	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB mức 1	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB Thành phần thuốc thử có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện quy trình kiểm chứng mức 1	ISO	ml	50	
13	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB mức 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB mức 2 Thành phần thuốc thử tối thiểu có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện quy trình kiểm chứng	ISO	ml	50	
14	Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.	ISO	ml	10,000	
15	Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy người.	ISO	ml	15,000	
16	GOT (AST)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase (AST/GOT) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người	ISO	ml	5,000	
17	GPT (ALT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase (ALT/GPT) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ISO	ml	5,000	

18	GGT (Gamma-GT)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng GGT; phương pháp đo IFCC; dải đo 1~1500 U/L; Thành phần thuốc thử R1: Glycylglycine (Gly-Gly) R2: L-γ-glutamyl -3-carboxy -4-nitroanilide-mono-ammonium;	ISO	ml	1,000	
19	HDL-Cholesterol	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng HDL cholesterol trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ISO	ml	1,000	
20	LDL-Cholesterol	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng LDL cholesterol trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ISO	ml	1,000	
21	Protein Total	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ISO	ml	1,500	
22	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1. Thành phần thuốc thử tối thiểu bao gồm huyết thanh người (đông khô), có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện quy trình nội kiểm	ISO	ml	500	
23	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2. Thành phần thuốc thử tối thiểu bao gồm huyết thanh người (đông khô), có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện quy trình nội kiểm.	ISO	ml	500	
24	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người. Thành phần thuốc thử tối thiểu bao gồm huyết thanh người (đông khô), có chứa các nồng độ thành phần phù hợp để hiệu chuẩn	ISO	ml	200	
25	Triglyceride	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người	ISO	ml	6,000	
26	Urea-UV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea-BUN UV mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.	ISO	ml	10,000	
27	Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Uric Acid mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. T	ISO	ml	2,500	

28	Dung dịch rửa máy Washing Solution	Dung dịch rửa máy Washing Solution	ISO	ml	10,000	
29	Bóng đèn máy sinh hóa tự động	Bóng đèn dùng cho máy sinh hóa tự động	ISO	cái	6	

DANH MỤC HÓA CHẤT VTYT THEO MÁY ĐIỆN GIẢI ĐỒ

30	Pack hóa chất	Dùng trong xét nghiệm xác định nồng độ Na, K, Cl, Ca, Li trong mẫu huyết thanh.	ISO	ml	30,000	
31	Weekly Cleaning solution	Dung dịch rửa dùng cho máy điện giải.	ISO	ml	1,500	
32	Control	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm điện giải, có giá trị các thông số Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Ca ⁺⁺ , Li	ISO	ml	400	
33	Calibration	Dung dịch hiệu chuẩn được dùng cho máy phân tích điện giải cho các xét nghiệm natri, kali, clorid, calci và Li	ISO	ml	100	
34	Na ⁺ ELECTRODE	Điện cực Natri dùng cho máy điện giải.	ISO	Cái	3	
35	K ⁺ ELECTRODE	Điện cực Kali dùng cho máy điện giải.	ISO	Cái	3	
36	Cl ⁻ ELECTRODE	Điện cực Chlo dùng cho máy điện giải.	ISO	Cái	3	
37	Ca ⁺⁺ ELECTRODE	Điện cực Canxi dùng cho máy điện giải.	ISO	Cái	3	
38	REFERENCE ELECTRODE	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải.	ISO	Cái	3	
39	Dây bơm	dây bơm dùng cho máy điện giải đồ	ISO	sợi	3	

DANH MỤC HÓA CHẤT ,VTYT THEO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC

40	Series Diluent	Dung dịch pha loãng (dung dịch đệm đẳng trương) được sử dụng kết hợp với tác nhân ly giải để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống máy phân tích huyết học. Thành phần tối thiểu: Muối natri, không chứa cyanide	ISO	ml	950,000	
41	dung dịch ly giải hồng cầu	Dung dịch chứa tác nhân ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm định lượng hemoglobin, xét nghiệm đếm, định cỡ và đo quang học bạch cầu trên hệ thống máy phân tích huyết học.	ISO	ml	80,000	
42	dung dịch ly giải bạch cầu	Dung dịch chứa tác nhân ly giải bạch cầu dùng cho xét nghiệm định lượng hemoglobin, xét nghiệm đếm, định cỡ và đo quang học hồng cầu trên hệ thống máy phân tích huyết học.	ISO	ml	150,000	

43	Series Control	Chất kiểm chuẩn được sử dụng để giám sát các giá trị trên các máy đếm tế bào máu nhiều thông số (máy phân tích huyết học). Thành phần tối thiểu: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu của động vật có vú được phân tán trong chất lỏng tương tự huyết tương với chất bảo quản. Độ ổn định sau mở nắp: tối thiểu 14 ngày	ISO	ml	40	
44	Series Calibrator	Chất hiệu chuẩn được thiết kế để xác định các hệ số hiệu chuẩn cho hệ thống máy phân tích huyết học cùng với thuốc thử đặc hiệu. Thành phần tối thiểu: gồm hồng cầu người, bạch cầu của động vật có vú và tiểu cầu của động vật có vú được huyền phù trong dung dịch giống huyết tương với chất bảo quản.	ISO	ml	20	

HÓA CHẤT ĐỊNH NHÓM MÁU

45	Dung dịch định nhóm máu A	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A	ISO	ml	150	
46	Dung dịch định nhóm máu B	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B	ISO	ml	150	
47	Anti D(Rh)	Xét nghiệm được dùng để phát hiện các kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO bằng phương pháp ngưng kết các tế bào hồng cầu người.	ISO	ml	40	

DANH MỤC SINH PHẨM TEST NHANH

48	Anti HCV test	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Không sử dụng dung dịch đệm. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,2%	ISO	Test	500	
49	Dengue IgG/IgM	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần	ISO	Test	600	
50	Dengue NS1	Xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần	ISO	Test	1,000	

51	Test xét nghiệm HbA1C	dùng để định lượng glycated hemoglobin (HbA1c) trong máu toàn phần thu được từ đầu ngón tay hoặc tĩnh mạch bằng cách thu thập máu vào ống nghiệm chứa EDTA	ISO	Test	2,000	
52	H.pylori cassette	Xét nghiệm định tính kháng thể (IgM, IgG, IgA,...) kháng H.pylori, Loại mẫu sử dụng: Huyết tương, Huyết thanh	ISO	Test	600	
53	HBsAg	Test nhanh định tính kháng nguyên HBsAg	ISO	Test	2,500	
54	HIV 1/2 3.0	Test nhanh định tính HIV 1/2 3.0	ISO	Test	2,000	
55	WIDAL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm phát hiện được kháng thể có trong vi khuẩn Salmonella gây bệnh thương hàn	ISO	Hộp	4	
56	Nước tiểu 11TS	Đây là que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific, Ascorbic, Acid, Leukocytes, Nitrite, (CP)	ISO	Test	2,500	
57	test nhanh MORPHINE(3 IN 1)	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu.	ISO	Test	5,000	
58	Que thử đường huyết	que thử đường huyết mao mạch	ISO	Que	1,000	
59	Troponin I (Test nhanh)	Vùng cộng hợp: cộng hợp vàng kháng thể kháng cTnl-1, IgY-gà; Vạch kết quả: kháng thể kháng cTnl-2; Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgY-gà.	ISO	Test	3,000	

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM LAO

60	Fuchsin basis	Công thức hóa học: C ₂₀ H ₁₉ N ₃ .HCl Hình thể: rắn, màu xanh Khối lượng mol: 337.84 g/ mol Điểm nóng chảy: 250 °C/ 482 °F Điểm chớp cháy: 200 °C/ 392 °F Nhiệt độ phân hủy: 250 °C pH: 5-6 1 g/ l aq.sol Độ hòa tan trong nước: 4 g/ l (25 °C)	ISO	gr	200	
----	---------------	---	-----	----	-----	--

61	Methylen blue	Trạng thái: Dạng rắn Công thức hóa học: $C_{16}H_{18}ClN_3S.H_2O$ Màu sắc: Màu xanh Khối lượng mol: 319.86 g/mol Độ pH: 3 (10 g/l, H_2O , 20 °C) Điểm nóng chảy: 180 °C Khối lượng riêng: 400 - 600 kg/m ³ Tính tan trong nước: 50 g/l.	ISO	gr	200	
62	Phenol tinh thể	Công thức phân tử: C_6H_6O Công thức hóa học: C_6H_5OH Trọng lượng phân tử: 94.11 g/mol Tỷ trọng: 1.07 g/cm ³ (20 °C) Nhiệt độ nóng chảy: 40.8 °C Độ tan: 84 g/l Bảo quản: +15°C to +25°C	ISO	ml	3,000	
63	Axit HCl đậm đặc	Nồng độ 32-40% Công thức hóa học: HCL Màu sắc: Chất lỏng vàng nhạt hoặc không màu Khối lượng mol: 36.46 g/mol Độ axit (pKa): - 8,0 Điểm nóng chảy: - 27,32 °C (247 K) Độ nhớt: 1,9·10 ⁻³ Pa·s ở 25 °C Độ hòa tan trong nước: 725 g / Lít ở 20 °C	ISO	ml	4,000	
64	Dầu soi kính	Dầu soi dùng cho vật kính 100X	ISO	ml	1,000	
65	Giấy lọc hóa chất	Dùng cho việc lọc các tạp chất trong phòng thí nghiệm	ISO	tờ	20	
66	Nước cất	Dùng để rửa trong quá trình nhuộm Ziehl-Neelsen.	ISO	lít	300	
67	cồn 90 độ	Dùng để cố định mẫu trong quá trình làm xét nghiệm Ziehl-Neelsen.	ISO	lít	50	
68	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K3 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Tripotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 2ml máu.	ISO	ống	3,000	
69	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium kháng đông cho 2ml máu.	ISO	ống	20,000	
70	Ống nghiệm trắng có nắp	Ống nghiệm nắp nhựa màu trắng. có nắp	ISO	ống	2,000	
71	Ống nghiệm trắng không nắp	Nhựa PS trắng trong không nắp. Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính.	ISO	ống	5,000	

72	Đầu Col vàng	Sử dụng cho việc gắn trong cây pipet và lấy mẫu xét nghiệm	ISO	cái	10,000	
73	Đầu Col xanh	Sử dụng cho việc gắn trong cây pipet và lấy mẫu xét nghiệm	ISO	cái	5,000	
74	Lam kính (đầu mờ)	lam kính dùng để phết bệnh phẩm đảm trong xét nghiệm lao	ISO	hộp	200	
75	Lọ đàm(lọ bệnh phẩm)	Lọ nhựa PS trong suốt,nắp nhựa màu trắng, có nhãn dùng để đựng mẫu bệnh phẩm đàm	ISO	cái	7,000	
76	Giấy in nhiệt 57	Kích thước 57cm, hộp 10 cuộn dùng cho máy điện tim	ISO	cuộn	200	
77	Giấy in nhiệt	Dùng cho máy điện giải đồ, nước tiểu	ISO	Cuộn	100	
78	Tube Sample Cup	Cống tách mẫu bệnh phẩm , Gói 1000 cái	ISO	cái	5,000	

HÓA CHẤT DÙNG TRONG KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

79	Viên nén khử khuẩn	Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, pH: 5.0 - 6.5. thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium, Apidic acid - Đạt các tiêu chuẩn: ISO13485	ISO	viên	15,000	
80	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	Hoạt chất Ortho-Phthaldehyde: 0,55% và thành phần trợ: 99,45%; Loại 11b theo MDD 93/42/EEC Nồng độ sử dụng: 0,55% ortho - Phthalaldehyde Thời gian ngâm: Khử khuẩn mức độ cao là 5 phút, 20 độ C"	ISO	lít	50	
81	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ	Hoạt chất enzyme Protease + chất tẩy rửa.	ISO	lít	50	